

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2022/DS-ST

Ngày: 26/01/2022

“V/v tr/c hợp đồng vay tài sản”
và “Kiện đòi tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Hà và ông Nguyễn Văn Đô.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Nhân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Hà, chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Song xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 442/2021/TLST-DS ngày 10/12/2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và “Kiện đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Trần Văn H – sinh năm 1968 và bà Đinh Thị T – sinh năm 1971. Địa chỉ: Thôn Đắk K, xã Đắk N, huyện Đắk S, tỉnh Đắk Nông – có mặt.

*** Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị L – sinh năm 1977. Địa chỉ: Thôn Đắk K, xã Đắk N, huyện Đắk S, tỉnh Đắk Nông – có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 27/9/2021, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Trần Văn H và bà Đinh Thị T trình bày:**

Do là chỗ quen biết với nhau nên vợ chồng ông Trần Văn H và bà Đinh Thị T cho bà Nguyễn Thị L vay 02 lần số tiền 55.000.000 đồng. Việc vay mượn diễn ra tại nhà nguyên đơn thuộc Thôn Đắk K, xã Đắk N, huyện Đắk S, tỉnh Đắk Nông. Cụ thể, ngày 25/02/2018 dương lịch bà L vay 20 triệu đồng, hạn trả nợ ngày 25/3/2018 dương lịch và ngày 24/02/2018 âm lịch bà L vay 35 triệu đồng, hạn 01 năm sau sẽ trả, các bên đều thỏa thuận lãi suất 2%/tháng/triệu. Khi nhận tiền, ông Trần Văn P (chồng bà L) không có mặt. Bà L là người ký tên vào chỗ vay tiền, đồng thời ký thay ông P và không có ai khác làm chứng. Nguyên đơn không biết bà L vay tiền về sử dụng vào mục đích gì. Do bà L là người trực tiếp vay và nhận số tiền nên nguyên đơn không khởi kiện ông Trần Văn P. Vì bà L không chịu trả tiền nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả nợ gốc và lãi suất 2%.

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu thay đổi nội dung khởi kiện buộc bị đơn bà L phải trả nợ gốc là 20 triệu, không yêu cầu tính lãi suất. Đối với số tiền 35 triệu, nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất 1,66%/tháng từ khi vay đến nay.

*** Trong bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:**

Tại phiên tòa bà L thay đổi lời khai về thời gian vay tiền của nguyên đơn. Bà L trình bày do là người quen của anh H và chị T nên bà L có vay của ông H và bà T số tiền như sau:

Đợt 01: Ngày 27/3/2017 vay số tiền 176 triệu, đến ngày 27/3/2018 bà L đã trả đủ số tiền nợ gốc này và tiền lãi là 44.713.000 đồng, tổng cộng 220.713.000 đồng.

Đợt 02: Ngày 27/3/2018 bị đơn vay của nguyên đơn số tiền 170 triệu đến ngày 27/3/2019 tính lãi là 43.200.000 đồng, tổng cộng là 213.200.000 đồng. Ngày 27/3/2019 bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền 178.200.000 đồng, còn nợ lại 35 triệu đồng như giấy nhận nợ, hai bên thỏa thuận lãi suất 2%/tháng/triệu.

Bị đơn trình bày số tiền 20 triệu đồng nguyên đơn khởi kiện là số tiền nằm trong khoản tiền bị đơn đã trả ở đợt 01 bị đơn vay nhưng nguyên đơn không xóa sổ.

Mục đích bị đơn vay tiền của nguyên đơn về cho bạn bè vay lại, chồng bị đơn không biết về khoản vay nợ và cũng không sử dụng chung vào mục đích của gia đình. Do tin tưởng nguyên đơn nên bị đơn không có giấy tờ, tài liệu chứng minh mình đã vay cũng như trả tiền cho nguyên đơn. Tất cả những lần trả tiền bị đơn đều trả cho vợ chồng ông H, tại nhà ông H và bà T, không có ai làm chứng. Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện về số tiền 55 triệu đồng, chỉ thừa nhận còn nợ nguyên đơn 35 triệu đồng và xin trả dần trong 07 năm, mỗi năm 05 triệu đồng.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và sự tuân theo pháp luật tố tụng của nguyên đơn, bị đơn trong vụ án:**

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Đã thực hiện hoạt động tố tụng đầy đủ từ quá trình thụ lý, lập hồ sơ vụ án; Xác định đúng quan hệ tranh chấp giữa các bên; Tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ; Thẩm phán đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục, trình tự xét xử. Hội đồng xét xử đúng thành phần, không có trường hợp nào phải thay đổi người tiến hành tố tụng, Hội đồng xét xử đã hỏi và tranh luận tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Đương sự đã chấp hành đầy đủ các quy định, quyền và nghĩa vụ của mình. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự 2015 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của ông Trần Văn H và bà Đinh Thị T, buộc bà Nguyễn Thị L phải trả cho ông Trần Văn H và bà Đinh Thị T số tiền gốc là 55 triệu đồng nợ gốc; áp dụng lãi suất 1,66%/tháng đối với số tiền 35 triệu đồng theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đối

với số tiền nợ gốc 20 triệu còn lại không tính lãi suất. Ngoài ra, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ý kiến khắc phục khác: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Ông Trần Văn H và bà Đinh Thị T khởi kiện bà Nguyễn Thị L trả nợ theo nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng vay tài sản số tiền 35.000.0000 đồng. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với khoản nợ 20.000.000 đồng nguyên đơn chỉ khởi kiện yêu cầu trả nợ gốc nên xác định quan hệ pháp luật là “*Kiện đòi tài sản*”, được quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Nguyễn Thị L hiện đang cư trú tại: Thôn Đăk K, xã Đăk N, huyện Đăk S, tỉnh Đăk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2]. Về thời hiệu khởi kiện: Căn cứ vào giấy vay tiền lập 24/02/2018 âm lịch (tức ngày 09/4/2018 dương lịch) bà L vay 35 triệu đồng, hạn 01 năm sau sẽ trả ngày 24/02/2019 (tức ngày 29/3/2019 dương lịch). Kể từ thời điểm bà Nguyễn Thị L vi phạm nghĩa vụ trả nợ đến thời điểm ông Trần Văn H và bà Đinh Thị T gửi đơn khởi kiện đến Tòa án ngày 27/9/2021 vẫn còn thời hiệu khởi kiện theo Điều 429 Bộ luật Dân sự 2015. Đối với khoản vay 20 triệu đồng ngày 25/02/2018 dương lịch, hạn trả nợ ngày 25/3/2018 dương lịch, nguyên đơn chỉ đòi nợ gốc nên không áp dụng thời hiệu khởi kiện.

[3]. Xét nội dung tranh chấp:

[3.1]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Xét giấy vay tiền lập 24/02/2018 âm lịch (tức ngày 09/4/2018 dương lịch) bà L vay 35.000.000 đồng, hạn 01 năm sau sẽ trả ngày 24/02/2019 (tức ngày 29/3/2019 dương lịch). Đối với khoản vay 20.000.000 đồng theo giấy vay tiền lập ngày 25/02/2018 dương lịch, hạn trả nợ ngày 25/3/2018 dương lịch do bị đơn ký nhận thể hiện bị đơn có vay của nguyên đơn tổng số tiền 55.000.000 đồng. Việc giao nhận tiền diễn ra tại nhà nguyên đơn thuộc Thôn Đăk K, xã Đăk N, huyện Đăk S, tỉnh Đăk Nông. Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thừa nhận khi thực hiện 02 lần vay tiền đều từ nguyện, không bị ai ép buộc, có sự ký nhận của bị đơn vào giấy vay tiền.

Tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự quy định:

“1. Những tình tiết, sự kiện sau đây không phải chứng minh:

a) Những tình tiết, sự kiện rõ ràng mà mọi người đều biết và được Tòa án thừa nhận...”. Xét giấy vay tiền có xác nhận của các đương sự, không trái đạo đức, không trái quy định của pháp luật và các đương sự đều thừa nhận giấy tờ này là có thực nên tình tiết này không phải chứng minh.

Căn cứ giấy vay tiền lập 24/02/2018 âm lịch (tức ngày 09/4/2018 dương lịch) bà L vay 35.000.000 đồng, hạn 01 năm sau sẽ trả ngày 24/02/2019 (tức ngày 29/3/2019 dương lịch). Đối với khoản vay 20.000.000 đồng theo giấy vay tiền lập ngày

25/02/2018 dương lịch, hạn trả nợ ngày 25/3/2018 dương lịch. Tổng cộng bị đơn vay của nguyên đơn số tiền 55.000.000 đồng, có chữ ký xác nhận của bị đơn, đến nay bị đơn chưa trả cho nguyên đơn (Bút lục 33 và 34). Tại Điều 463 BLDS quy định:

“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[3.2]. Đối với lời trình bày của bị đơn cho rằng có vay của nguyên đơn: Đợt 1: Ngày 27/3/2017 vay số tiền 176 triệu, đến ngày 27/3/2018 bà L đã trả đủ số tiền nợ gốc này và tiền lãi là 44.713.000 đồng, tổng cộng 220.713.000 đồng. Đợt 02: Ngày 27/3/2018 bị đơn vay của nguyên đơn số tiền 170 triệu đến ngày 27/3/2019 tính lãi là 43.200.000 đồng, tổng cộng là 213.200.000 đồng. Ngày 27/3/2019 bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền 178.200.000 đồng, còn nợ lại 35 triệu đồng như giấy nhận nợ, hai bên thỏa thuận lãi suất 2%/tháng/triệu. Riêng đối với số tiền 20 triệu đồng nguyên đơn khởi kiện là số tiền nằm trong khoản tiền bị đơn đã trả ở đợt 01 bị đơn vay nhưng nguyên đơn không xóa sổ. Bị đơn thừa nhận hiện nay còn nợ nguyên đơn 35 triệu đồng như giấy nhận nợ các bên đã ký kết, bị đơn xin trả dần trong 07 năm, mỗi năm 5.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh mình đã vay và trả số tiền trên cho nguyên đơn. Theo khoản 4 Điều 91 của Bộ Luật tố tụng Dân sự quy định: *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”*. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng không có căn cứ để chấp nhận ý kiến phản đối của bị đơn. Do đó, cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 55.000.000 đồng mới bảo đảm quyền và lợi ích của đương sự.

[3.3]. Về lãi suất:

Trong giấy vay tiền lập 24/02/2018 âm lịch (tức ngày 09/4/2018 dương lịch) bà L vay 35.000.000 đồng, hạn 01 năm sau sẽ trả ngày 24/02/2019 (tức ngày 29/3/2019 dương lịch), thể hiện lãi suất thỏa thuận miệng 2%/tháng/triệu. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn do bị đơn chưa trả lãi cho nguyên đơn. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả lãi suất 1,66%/tháng kể từ khi vay tiền đến nay. Bị đơn cho rằng mình đã trả lãi cho nguyên đơn lần 01 ngày 27/3/2018 trả tiền lãi 44.713.000 đồng và lần 02 ngày 27/3/2019 tiền lãi 43.200.000 đồng nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh mình đã trả lãi cho nguyên đơn cũng như không có ai làm chứng về việc bị đơn trả 02 lần tiền lãi như bị đơn đã trình bày.

Tại Điều 468 của Bộ luật dân sự quy định:

“1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận:

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

.....”
Xét mức lãi suất các đương sự thỏa thuận 2%/tháng vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay. Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất 1,66%/tháng đối với số nợ của bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này là có căn cứ, phù hợp với Điều 468 Bộ luật dân sự cần chấp nhận, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi cụ thể như sau: Từ ngày vay tiền 24/02/2018 âm lịch (tức ngày 09/4/2018 dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm 26/01/2022 là 45 tháng 17 ngày x 35.000.000 đồng x 1,66%/tháng = 26.474.233 đồng tiền lãi.

Đối với khoản vay 20.000.000 đồng theo giấy vay tiền lập ngày 25/02/2018 dương lịch, hạn trả nợ ngày 25/3/2018 dương lịch nguyên đơn kiện đòi nợ gốc, không lãi nên Hội đồng xét xử xét không xem xét.

Từ phân tích của mục [3.1] [3.2] [3.3] nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số nợ gốc 55.000.000 đồng và nợ lãi là 26.474.233 đồng. Tổng cộng cả nợ gốc và lãi là 81.474.233 đồng.

[3.4]. Các đương sự đều thừa nhận ông Trần Văn P (chồng bà L) không vay tiền của nguyên đơn. Bị đơn vay từ nguyên đơn nhưng không sử dụng vào mục đích chung của gia đình (bút lục 22). Nguyên đơn cũng không khởi kiện buộc bị đơn phải có trách nhiệm chung nên Hội đồng xét xử không đề cập nghĩa vụ liên đới của ông Phúc đối với khoản vay của bị đơn.

[4]. Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song là phù hợp nên chấp nhận.

[5]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật là 81.474.233 đồng x 5% = 4.073.711 đồng.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 144; khoản 1 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự 2015 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn H và bà Đinh Thị T.

Buộc bà Nguyễn Thị L phải trả cho ông Trần Văn H và bà Đinh Thị T tổng số tiền 81.474.233 đồng (Tám mươi một triệu bốn trăm bảy mươi bốn nghìn hai trăm ba mươi ba đồng), trong đó nợ gốc là 55.000.000 đồng (Năm mươi lăm triệu đồng) và nợ lãi là 26.474.233 đồng (Hai mươi sáu triệu bốn trăm bảy mươi bốn nghìn hai trăm ba mươi ba đồng).

(Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015).

2. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị L phải nộp 4.073.711 đồng (Bốn triệu không trăm bảy mươi ba nghìn bảy trăm mười một đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho ông Trần Văn H và bà Đinh Thị T số tiền nộp tạm ứng án phí là 2.475.000 đồng (Hai triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001184 ngày 10/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án”.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THA huyện Đắk Song;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Thị Thanh Tâm